

Cẩm Ngọc, ngày tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn
xã Cẩm Ngọc năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 30/01/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy, về Thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cẩm Thủy năm 2023; Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Cẩm Thủy về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) trên địa bàn huyện Cẩm Thủy, giai đoạn 2022-2025. UBND xã Cẩm Ngọc xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Cẩm Ngọc năm 2023 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Mục đích.

Triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả; môi trường sinh thái được bảo vệ, cảnh quan môi trường nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; các giá trị văn hoá ở nông thôn được giữ gìn và phát huy; quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng cao.

2. Yêu cầu.

- Xây dựng NTM là quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, “*có điểm bắt đầu, nhưng không có điểm kết thúc*”. Tiếp tục xây dựng NTM toàn diện, bền vững, đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống cho người dân nông thôn.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các Bộ tiêu chí NTM ở các cấp độ (xã, thôn) và mức độ (đạt chuẩn NTM nâng cao, Thôn NTM kiểu mẫu).

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2022-2025, nhất là các tiêu chí về y tế, môi trường, thu nhập, phát triển kinh tế nông thôn.

II. MỤC TIÊU - NHIỆM VỤ - GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Mục tiêu:

- Xã NTM nâng cao: Phân đầu đạt xã chuẩn NTM nâng cao trong năm 2023.
- Thôn NTM kiểu mẫu: Phân đầu đạt 01 thôn (Thôn Phúc Ngán Vải).
- Các thôn còn lại phân đầu duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM.

(*Có biểu dự thảo đánh giá các tiêu chí chi tiết kèm theo*)

2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trong xây dựng NTM nâng cao.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn để nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân nông thôn về việc thực hiện Chương trình xây dựng NTM trong giai đoạn mới; trong đó chú trọng việc nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng NTM, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” gắn với phong trào thi đua “ Cả nước chung sức xây dựng NTM”. Đề cao vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng tham gia xây dựng NTM đi vào chiều sâu, đem lại sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn tới từng thôn, hộ gia đình và cuộc sống trực tiếp của mỗi người dân ở nông thôn.

2.2. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng. Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Tỉnh, huyện về lĩnh vực nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới; làm tốt công tác tư vấn nghề, gắn đào tạo nghề với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng NTM.

2.3. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở nguồn lực của Chương trình xây dựng NTM từ ngân sách nhà nước hỗ trợ, xã và các thôn cần bám sát quy hoạch, đề án, phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong huy động và sử dụng nguồn lực để tạo sự đồng thuận của nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng trong việc tham gia xây dựng NTM, kết hợp lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

2.4. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tiêu chí thôn, xã NTM nâng cao, thôn NTM kiểu mẫu.

Các thôn bám sát mục tiêu, kế hoạch thực hiện năm 2023 xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện. Các phòng, ban, ngành cấp xã được giao phụ trách các tiêu chí xã NTM nâng cao, thôn NTM kiểu mẫu xây dựng kế hoạch để thực hiện các tiêu chí và hướng dẫn các thôn trong việc thực hiện các tiêu chí theo các mức độ.

Bên cạnh đó các thôn cần tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện việc duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí đã được công nhận đạt chuẩn NTM.

2.5. Phát triển văn hoá, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường và an ninh trật tự trên địa bàn.

Cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét nhóm các tiêu chí văn hoá - xã hội - môi trường; đổi mới nội dung, hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội và phát huy tốt sự đồng tình, ủng hộ, ý thức tự giác của người dân trên địa bàn. Không ngừng phát triển số lượng, tăng cường nâng cao chất lượng gia đình văn hoá, thôn văn hoá.

Xây dựng hệ thống cấp nước sạch nông thôn; thực hiện việc thu gom nước thải, rác thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường; xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hiệu quả, khơi dậy sức mạnh, tiềm lực to lớn của nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

2.6. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về xây dựng NTM nâng cao.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền nhất là vai trò của người đứng đầu trong xây dựng NTM.

- Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện; triển khai mạnh mẽ hơn nữa các hoạt động thiết thực trong xây dựng NTM (Mô hình khu dân cư sáng – xanh - sạch - đẹp, an toàn; phân loại, xử lý rác thải tại nguồn; trồng hoa thay cỏ dại; ngày chủ nhật xanh; hàng cây thanh niên;...).

III. KẾ HOẠCH – THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ CHƯA ĐẠT:

A. KẾ HOẠCH – THỜI GIAN.

1. Tiêu chí số 2: Giao thông còn (2.2);(2.4) (Dự kiến hoàn thành tháng 5/2023); Hoàn thành các hạng mục ở các thôn, bản theo quy định như; Biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh... Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước mặt đường.

Tiếp tục vận động nhân dân huy động mọi nguồn lực làm mới, tu sửa mở rộng các tuyến đường trục chính nội đồng chưa đảm bảo chiều rộng và những tuyến đã xuống cấp làm tuyến mương đảm bảo tiêu thoát nước.

*** Dự kiến nguồn vốn: 3,920 tỷ.**

2. Tiêu chí số 3: Thủy lợi & PCTT. Còn (3.3); (Dự kiến hoàn thành vào tháng 9/2023).

Tiếp tục đôn đốc chỉ đạo HTX xây dựng các diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. (XD mô hình cây mía tại đơn vị Phúc ngân vài 4,0 ha)

*** Dự kiến nguồn vốn: 1,700 tỷ.**

3. Tiêu chí số 5: Giáo dục. (5.1);. (Dự kiến hoàn thành tháng 6/2023)

Nâng cấp cải tạo các phòng học, mua sắm trang thiết bị dạy học cho trường THCS.

*** Dự kiến nguồn vốn: 2,385 tỷ.**

4. Tiêu chí số 6 Văn hóa. Còn (6.1) (Dự kiến hoàn thành vào tháng 6/2023)

Chỉ tiêu (6.1) hoàn thành lắp đặt các dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời , bổ sung các thiết chế còn thiếu trong nhà văn hóa kịp thời, tu sửa lại khu trung tâm thể dục –thể thao của xã.

*** Dự kiến nguồn vốn: 1,051 tỷ.**

5. Tiêu chí số 10: Lao động. (Chưa có thu tập thông tin năm 2023).

6. Tiêu chí Số 11: Nghèo đa chiều; (Dự kiến hoàn thành vào tháng 9/2023)

Đến hết tháng 02/2023 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều xã đạt 7,2%; trong đó; hộ nghèo là 65 hộ; cận nghèo 101 hộ

Phân đầu đến tháng 9 năm 2023 xã giảm nghèo 20 hộ còn 45 hộ; giảm cận nghèo 39 hộ còn 62 hộ;

+ Nghèo 42 - 18 hộ (Không còn khả năng lao động) còn 24/ 1815 tỷ lệ: **1,32%**

+ Cận nghèo 62- 17 hộ (Không còn khả năng lao động) còn 45/1815 tỷ lệ:**2,48%**

* **Tỷ lệ Nghèo đa chiều đạt: 3,8%** (Tiêu chí $\leq 4\%$).

7. Tiêu chí Số 12: Lao động (Dự kiến hoàn thành vào tháng 6/2023)

Tăng cường công tác đôn đốc kiểm tra Công chức phụ trách tiêu chí rà soát, xác định số lao động trên địa bàn xã có bằng cấp, chứng chỉ và lao động trong ngành kinh tế chủ lực.

8. Tiêu chí số 13, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: còn 13.3; 13.4;;13;6; (Dự kiến hoàn thành vào tháng 9/2023)

Tập chung lãnh, chỉ đạo xây dựng mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp liên kết theo chuỗi giá trị với đảm bảo an toàn thực phẩm theo chỉ tiêu (Dự kiến Mô hình Cam không hạt tại hộ Ông: Nguyễn Văn Hoạt; Mô hình V.A.C hộ Lê Duy Lượng; Phúc Ngán Vải).

* **Dự kiến nguồn vốn: 0,5 tỷ.**

9. Tiêu chí số 14: Y tế. (Dự kiến hoàn thành vào tháng 6/2023)

Tỷ lệ tham gia Bảo hiểm y tế: Tính đến thời điểm số người tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã là 6030/ 7170 đạt tỷ lệ: **84,1%**. (**Thiếu hụt 1140 thẻ**).

Thực hiện đăng ký cho người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa theo chỉ tiêu (14.3); Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử theo chỉ tiêu (14.4).

MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên tuyên truyền, vận động hội viên; đoàn viên và nhân dân tích cực tham gia mua BHYT tự nguyện thêm **850** thẻ, để nâng tỷ lệ tham gia BHYT là: **6880/7170 đạt tỷ lệ 95,95%**. (**tiêu chí $\geq 95\%$**).

10. Tiêu chí số 17, Môi trường. (Hoàn thành vào tháng 04/2023)

Hạt các chỉ tiêu (17.2; 17.3; 17.4; 17.5 và 17.8); Tăng cường công tác tuyên truyền và xử lý nghiêm các hộ chăn nuôi, sản xuất kinh doanh trên địa bàn chưa đảm bảo về vệ sinh môi trường; Trên các đường trục chính của xã và thôn trồng cây xanh và hoa phải đạt từ 75% trở lên. Đảm bảo đạt $\geq 60\%$; Hội LHPN xã chỉ đạo Chi hội phụ nữ thôn thực hiện tốt mô hình “5 không, 3 sạch” hướng dẫn nhân dân cách phân loại rác thải từ hộ gia đình để giảm thiểu lượng rác; Đoàn thanh niên phối hợp thực hiện ngày “Chủ nhật xanh” trên địa bàn thôn; Tỷ lệ hộ dân có thùng đựng rác theo quy

chuẩn. Xây dựng tường rào và trồng cây xanh tại bãi rác thải của 7 thôn trên địa bàn xã.

*** Dự kiến nguồn vốn: 0,675 tỷ.**

11. Tiêu chí 18, Chất lượng môi trường sống: (Thời gian hoàn thành tháng 08/2023)

- Thiếu các chỉ tiêu (18.1; 18.2; 18.3; 18.8) Hệ thống cấp nước sạch tập trung và tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy chuẩn chưa có; Tỷ lệ hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, chế biến thực phẩm được tập huấn và chứng nhận ATTP còn thiếu theo chỉ tiêu **(18.4; 18.6)**.

- Kêu gọi đầu tư, hỗ trợ từ nguồn ngân sách của nhà nước, doanh nghiệp và xã hội hóa từ nhân dân để xây dựng hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt tập trung đảm bảo theo kế hoạch đã đề ra.

*** Dự kiến nguồn vốn: 12,800 tỷ.**

12. Tiêu chí Quốc Phòng & An ninh.(19.2) (Thời gian thường xuyên, liên tục)

Ban công an xã làm tốt công tác tham mưu cho UBND, chủ động phối hợp với MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội tuyên truyền cho người dân nâng cao nhận thức về pháp luật; Tuần tra, kiểm soát thường xuyên nhằm ngăn chặn từ xa và sớm những hành vi vi phạm pháp luật

3. Nguồn lực :

3.1 Các công việc dự kiến thực hiện 32,1 tỷ gồm: Trong đó:

- Xã: 8,601 tỷ.
- Huyện: 3,000 tỷ.
- Trung ương: 3.775 tỷ.
- Doanh nghiệp: 3,800 tỷ.
- Nhân dân: 12,924 tỷ.

3.2. Phân công của BCD cho các thành viên thực hiện tiêu chí (có biểu phân công kèm theo):

B. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Các thành viên BCD xã.

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của các phòng, ngành chuyên môn và văn bản hướng dẫn của cấp trên, chủ động phối hợp với các phòng có liên quan tham mưu, chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong chương trình xây dựng NTM năm 2023 trên phạm vi toàn xã.

- Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện của các phòng, ngành, thành viên BCD xã, các thôn.

- Rà soát chính xác mức độ đạt chuẩn các tiêu chí NTM phục vụ buổi làm việc của lãnh đạo UBND xã để lãnh đạo, chỉ đạo sát, đúng với tình hình thực tế của địa phương trong việc hoàn thành xã NTM nâng cao năm 2023.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ chuyên môn đẩy nhanh tiến độ xác lập hồ sơ minh chứng, chủ động xin ý kiến của các phòng, ban chuyên môn cấp

huyện để hoàn chỉnh theo yêu cầu. Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thiện các tiêu chí NTM.

2. Đối với các thôn.

- Tiếp tục vận động người dân duy trì công tác vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm, trong các khu dân cư và tuyến đường.

- Khuyến khích người dân xây dựng tường rào xanh, trồng hoa, cây xanh dọc hàng rào, quét vôi ve tường rào khu vực dân cư, tạo cảnh quan môi trường ngày càng xanh - sạch - đẹp.

- Tập trung mọi nguồn lực để tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, quan tâm công tác đào tạo nghề cho lao động tại thôn nhằm nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ. Tuyên truyền vận động người dân tham gia các hình thức BHYT để đảm bảo theo yêu cầu.

- Rà soát xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm 2023 sát, đúng trong đó có kế hoạch chi tiết đối với các nội dung công việc cần thực hiện để hoàn thành tránh trường hợp chủ quan, lơ là trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM nâng cao, MTM kiểu mẫu trên địa bàn xã năm 2023, đề nghị các ban, ngành và các thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo Kế hoạch đã đề ra./.

***Nơi nhận:**

- UBND huyện (b/c);
- TT Đảng uỷ, HĐND (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- MTTQ và các đoàn thể chính trị xã;
- Thành viên BCD;
- 07 thôn;
- Lưu VT,

TM. BAN CHỈ ĐẠO XÃ
P. TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH
Bùi Thị Huệ

**PHÂN CÔNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC THỰC HIỆN HỒ SƠ TIÊU CHÍ XÃ NTM NÂNG CAO
Năm 2023**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Phân công các ngành phụ trách	Đoàn thể phối hợp	Lãnh đạo phụ trách	
1	Quy Hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch				
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.				
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.				
2	Giao Thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	ĐỊA CHÍNH XD Trịnh Đăng Khôi	Hội PN Hội CCB	Chủ tịch UBND Bùi Thị Huệ	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn bản, ấp				Đường cứng hóa và bảo trì hàng năm Có các hạng mục cần thiết theo quy định(biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, cây xanh....) đảm bảo Sáng – xanh – sạch – đẹp.
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng				Đảm bảo Sáng – xanh – sạch – đẹp
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.				
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	NÔNG NGHIỆP Cao Bá Giáp HỢP TÁC XÃ Lê Văn Sỹ	Hội ND Hội Làm vườn		
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững				
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.				
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.				
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải, xả vào công trình thủy lợi.				
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo 4 phương châm tại chỗ.				

4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.	ĐỊA CHÍNH XD Trịnh Đăng Khôi		
5	Giáo Dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.	Phạm Văn Hành Nguyễn Thị Thảo	Hội Khuyến học	
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.			
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS			
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ			
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá. xếp loại			
5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.					
6	Văn Hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.	VĂN HÓA Quách Ngọc Hiếu	Đoàn thanh niên	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.			
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.			
7	Cơ sở hạ tầng, thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng nhu cầu chung, theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	ĐỊA CHÍNH XD Trịnh Đăng Khôi	Hội ND Hội PN	Phó Bí thư TT Bùi Thị Liễu
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.	VĂN HÓA Quách Ngọc Hiếu	Đoàn thanh niên	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.			
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.			
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế- xã hội và tổ chức lấy ý kiến, sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.			
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng(khu vực trung			

		tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch công cộng,...)			
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố, bán kiên cố.	ĐỊA CHÍNH XD Trịnh Đăng Khôi		Chủ tịch UBND Bùi Thị Huệ P. chủ tịch Văn hóa Phạm Văn Hành
10	Thu Nhập	Thu nhập bình quân đầu người (<i>triệu đồng/người/năm</i>)	VP THỐNG KÊ Bùi Thị Oanh	Hội ND Hội CCB Hội Làm vườn Đoàn thanh niên Và Hội PN	
11	Nghèo Đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 -2025	CB. CHÍNH SÁCH Phạm Hồng Phong		
12	Lao Động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) 12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn 13.3. Có mô hình kinh tế áp dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm 13.4. Ứng dụng chuyên đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp, đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)	NÔNG NGHIỆP Cao Bá Giáp HỢP TÁC XÃ Lê Văn Sĩ	Hội ND Hội làm vườn. HTX .NN	P. chủ tịch kinh tế Nguyễn Đăng Quyền
		14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả			

14	Y Tế	nam và nữ)	TRẠM Y TẾ Hà Văn Nam CB. CHÍNH SÁCH Phạm Hồng Phong	Hội ND Hội CCB Đoàn thanh niên Và Hội PN	P. chủ tịch Văn Hóa Phạm Văn Hành
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)			
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)			
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.			
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	CB. TƯ PHÁP Nguyễn Thị Hạnh	MTTQ Đoàn thanh niên	
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên			
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp			
16	Tiếp Cận Pháp Luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến giáo dục, pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận			
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành.			
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.			
17	Môi Trường	17.1. Khu kinh doanh dịch vụ chăn nuôi, giết mổ(gia súc,gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.	CB – NN Cao Bá Giáp ĐC- XD Trịnh Đăng Khôi	Hội ND Hội PN	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường			
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định			
		17.4. Tỷ lệ hội gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp hiệu quả			
		17.5. Tỷ lệ hội gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn			
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường			
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường			
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường			
		17.9. nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của			

		pháp luật và theo quy hoạch			
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng			
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn			
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định			
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	ĐC- XD Trịnh Đăng Khôi. ĐC-NN Cao Bá Giáp VPTK Bùi Thị Oanh	Hội ND Hội PN	P. chủ tịch kinh tế Nguyễn Đăng Quyền
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ ngày đêm			
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững			
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.			
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm, trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã			
		18.6. Tỷ lệ cơ sở chế biến thực phẩm, nông lâm, thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.			
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch			
		18.8. Tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường			
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	BCH quân sự Trần Việt Hùng Ban Công an Nguyễn Hoàng Hải	MTTQ Hội ND Hội CCB Đoàn thanh niên Và Hội PN	Chủ tịch UBND Bùi Thị Huệ
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình Camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc hoạt động thường xuyên hiệu quả.			

CÁN BỘ ĐẢM NHIỆM CÁC TIÊU CHÍ VÀ CHỈ TIÊU

Stt	Họ Và Tên	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Trịnh Đăng Khôi	1; 2; 4; 7; 9; 17	18,1; 18.8	
2	Quách Ngọc Hiếu	6; 8		
3	Cao Bá Giáp		3.6; 13.2; 13.4; 18.2; 18;3;18.4	
4	Lê Văn Sĩ		3.1- 3.5; 13.1; 13.3	
5	Bùi Thị Oanh	10	18.6; 18.7	
6	Nguyễn Thị Thảo	5		
7	Nguyễn Thị Hạnh	15;16		
8	Phạm Hồng Phong	11; 12	14.1	
9	Hà Văn Nam		14.2 – 14.4	
10	Trần Việt Hùng		19.1	
11	Nguyễn Hoàng Hải		19.2	